TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HS-PT
Ngày 05 - 03 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Lan.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Tuấn Long, ông Vũ Văn Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 09/2025/TLPT-HS ngày 01 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Lường Thị Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXPT-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 02 năm 2025.

Bị cáo có kháng cáo:

Lường Thị Đ, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1995 tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Bản Pe, xã S, huyện B, tỉnh Sơn La; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lường Văn T, sinh năm 1964 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; Bị cáo chưa có chồng, có 01 con sinh năm 2024. Tiền án - tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Điêu Chính T1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S – Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Trung tâm K. Địa chỉ: Số A đường T, Tổ D, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh T2 - Giám đốc. Vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Vũ Sỹ B - Giám đốc Phòng bán hàng VNPT - Vinaphone khu vực M - Y. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Hoàng Thu H1. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo Tòa án không triệu tập:

1. Bùi Xuân Đ1. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
2. Bùi Đức D. Địa chỉ: Tiểu khu B, Thị trấn H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
3. Bùi Thị Ngọc C. Địa chỉ: T, Thị trấn H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
4. Bùi Xuân Đ1. Địa chỉ: Tiểu Khu N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
5. Cao Thị T3 (Đ2). Địa chỉ: T, Thị trấn H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
6. Công Ty TNHH M4. Địa chỉ: Bản Y, Xã H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
7. Chu Minh K. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
8. Dương Ngọc H2. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
9. Đ6. Địa chỉ: Tiểu Khu N, Xã H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
10. Đào Đức H3 (T). Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
11. Đào Thị H4. Địa chỉ: Thôn Đ, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
12. Đào Thị Ngọc T4. Địa chỉ: Thôn G, C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
13. Đào Văn N. Địa chỉ: Thôn G, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
14. Đào Văn Q. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
15. Đậu Thị K1. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
16. Đoàn Hồng T5. Địa chỉ: Thôn T, Xã H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
17. Đội Hình S. Địa chỉ: T, Thị Trấn H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
18. Hà Văn Ấ. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
19. Hà Văn C1. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
20. Hà Văn C2. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
21. Hà Văn C3. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
22. Hà Văn Đ3 (H5). Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
23. Hà Văn H6. Địa chỉ: Bản L, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
24. Hà Văn M. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
25. Hà Văn N1. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
26. Hà Văn Ơ. Địa chỉ: Bản L, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
27. Hà Văn Q1. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
28. Hà Văn Q2. Địa chỉ: Bản L, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
29. Hà Văn Q2. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
30. Hà Văn S1. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
31. Hà Văn S2 (P). Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

32. Hà Văn T6. Địa chỉ: Bản L, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

33. Hà Văn T7. Địa chỉ: Bản L, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

34. Hà Văn T8. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

35. Hà Văn T9. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

36. Hà Văn T10. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

37. Hà Văn T11. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

38. Hoàng Thị B1. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

39. Hoàng Thị D1. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

40. Hoàng Thị H. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

41. Hoàng Thị T12 (Xiểng). Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

42. Hoàng Văn C4. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

43. Hoàng Văn C5. Địa chỉ: Bản Á, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

44. Hoàng Văn H7. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

45. Hoàng Văn T13. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

46. Hoàng Văn T14. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

47. Hoàng Văn T15. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

48. Hoàng Văn T16. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

49. Hoàng Văn T17. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

50. Hoàng Văn Ú. Địa chỉ: Thôn Đ, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

51. Hoàng Văn V. Địa chỉ: Bản C, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

52. Hoàng Xuân H8 (Y). Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

53. Kiều Văn N2. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

54. Lò Đức L. Địa chỉ: Bản N, Xã H, Huyện M, tỉnh Sơn La.

55. Lò Thị S3. Địa chỉ: Bản Dè, Xã Chiềng Dong, Huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

56. Lò Trung Dũng. Địa chỉ: Bản L, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

57. Lò Văn C6. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

58. Lò Văn D2. Địa chỉ: Bản L, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

59. Lò Văn H9. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

60. Lò Văn H10. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

61. Lò Văn L1. Địa chỉ: P , Xã C (M), Tp S, tỉnh Sơn La.

62. Lò Văn S4. Địa chỉ: Bản K, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

63. Lò Văn T18. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

64. Lò Văn T19 (H11). Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
65. Lò Văn T20 -T21. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
66. Lù Hoàng T22. Địa chỉ: Bản Đ, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
67. Lưu Bá N3. Địa chỉ: T, Thị Trấn H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
68. Ngô Ngọc K2. Địa chỉ: Tiểu Khu N, Xã H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
69. Nguyễn Bá V1. Địa chỉ: Thôn T, Xã H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
70. Nguyễn Hữu N4. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
71. Nguyễn Hữu T23. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
72.Nguyễn Tiến M1. Địa chỉ: Tiểu Khu N, Xã H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
73. Nguyễn Thế H12. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
74. Nguyễn Thị H13. Địa chỉ: Thôn G, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
75. Nguyễn Thị H14. Địa chỉ: Bản Đ, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
76. Nguyễn Thị M2. Địa chỉ: Thôn B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
77. Nguyễn Thị N5. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M.
78. Nguyễn Thị Như N6. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M.
79. Nguyễn Thị S5. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M.
80. Nguyễn Thị Thu H15. Địa chỉ: Thôn G, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
81. Nguyễn Thị T24. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
82. Nguyễn Văn H16. Địa chỉ: HTX V, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
83. Nguyễn Văn S6. Địa chỉ: Thôn G, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
84. Nguyễn Văn T25. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
85. Nguyễn Văn V2. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M.
86. Nguyễn Xuân C7. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
87. Phạm Thị H17. Địa chỉ: Thôn Đ, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
88. Phạm Thị T26 (D). Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M.
89. Phạm Thị T27 (T28). Địa chỉ: T, Thị trấn H, Huyện M, tỉnh Sơn La.
90. Phạm Văn Đ4 (H18). Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
91. Tòng Thiết C8. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
92. Tòng Văn C9. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
93. Tòng Văn C10. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
94. Tòng Văn D3 (Liền). Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
95. Tòng Văn Đ5. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.
96. Tòng Văn H19 (Điện). Địa chỉ: Bản K, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

97. Tòng Văn I. Địa chỉ: Bản K, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

98. Tòng Văn L2. Địa chỉ: Bản K, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

99. Tòng Văn S7. Địa chỉ: Bản K, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

100.Tòng Văn T29 (H17). Địa chỉ: Bản K, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

101. Tòng Văn T30. Địa chỉ: Bản K, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

102. Tòng Văn T31. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

103. Tòng Văn Thanh H20. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

104. Tòng Văn T32. Địa chỉ: Bản K, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

105. Tòng Văn T33. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

106. Tòng Văn T34. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

107. Trần Quang S8. Địa chỉ: Thôn G, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

108. Trần Thị C11. Địa chỉ: Tiểu Khu N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

109. Trần Thị Tuyết M3. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

110. Trần Văn T35. Địa chỉ: Thôn G, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

111. Trần Việt H21. Địa chỉ: Bản B, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

112. Trương Bình G. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

113. Vì Văn K3. Địa chỉ: Bản N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

114. Vì Văn U. Địa chỉ: Bản D, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

115. Vũ Duy T36. Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

116. Vũ Ngọc C12. Địa chỉ: Bản P, Xã C, Huyện M, tỉnh Sơn La.

117. Vũ Nguyên S9 (H12). Địa chỉ: T, Thị Trấn H, Huyện M, tỉnh Sơn La.

118. Vũ Thị H22 (Q3). Địa chỉ: Thôn N, Xã C, Huyện M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Kinh doanh V là đơn vị kinh tế trực thuộc, hạch toán phụ thuộc, hoạt động dưới hình thức chi nhánh của Tổng Công ty D4, được phép kinh doanh các sản phẩm dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin, các dịch vụ nội dung, dịch vụ giá trị gia tăng...; được thực hiện ký kết hợp đồng với các tổ chức, cá nhân để thu cước dịch vụ viễn thông tại địa chỉ các khách hàng của V trên địa bàn tỉnh Sơn La và thanh toán chế độ thù lao theo quy định của Trung tâm.

Từ ngày 01/4/2021, Lường Thị Đ là nhân viên hỗ trợ bán hàng làm việc tại Phòng bán hàng VNPT - Vinaphone khu vực M - Y (đơn vị trực thuộc Trung tâm Kinh doanh V) theo hợp đồng lao động ký kết 01 năm/ 01 lần giữa Đan với Công ty cổ phần N7 và hợp đồng thuê lại lao động giữa Trung tâm kinh doanh V với

Công ty cổ phần N7. Với vị trí nhân viên hỗ trợ bán hàng, Lường Thị Đ được Vũ Sỹ B - Giám đốc Phòng bán hàng VNPT - Vinaphone khu vực M - Y phân công nhiệm vụ thực hiện các giao dịch kinh doanh Online, kinh doanh địa bàn, kinh doanh khách hàng doanh nghiệp và bán hàng trực tiếp tại địa bàn xã C, xã C, xã H và thị trấn H, huyện M (nhiệm vụ chủ yếu là thu cước thu cước dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin của khách hàng sử dụng mạng từ 06 tháng đến 01 năm, chăm sóc khách hàng, bán sim điện thoại và thẻ nạp tiền điện thoại, tư vấn phát triển mạng trên địa bàn các xã được phân công). Để thực hiện nhiệm vụ được giao, Lường Thị Đ sử dụng tài khoản ngân hàng số 7904205350388 mở tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện M và tài khoản ngân hàng số 41110000493270 mở tại chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển huyện M.

Về quy trình thu cước được quy định: Sau khi thu được tiền cước của khách hàng, nhân viên kinh doanh hoặc cộng tác viên bán hàng phải tiến hành viết phiếu thu (do Trung tâm kinh doanh phát hành) và giao Giấy biên nhận thanh toán (liên 2) cho khách hàng, đồng thời giữ lại Phiếu xác nhận thanh toán có xác nhận của khách hàng (liên 1 và liên 3) trả về cho kế toán Phòng bán hàng gạch nợ kịp thời cho khách hàng. Trường hợp thu được tiền trước 16 giờ hàng ngày thì phải nộp toàn bộ số tiền thu được vào tài khoản chuyên thu số 7904201001788 và 7904211000074 của Trung tâm K mở tại ngân hàng A; lập bảng kê phiếu xác nhận thanh toán thu được trong ngày, nộp cùng toàn bộ Phiếu xác nhận và Giấy nộp tiền về kê toán phòng bán hàng. Trường hợp thu được tiền sau 16 giờ hàng ngày, nộp toàn bộ số tiền thu được về quỹ tiền mặt của Phòng bán hàng hoặc nộp vào ngân hàng chậm nhất trước 09 giờ sáng ngày làm việc kế tiếp, lập bảng kê phiếu xác nhận thanh toán thu được trong ngày, nộp cùng toàn bộ P1 xác nhận và G1 nộp tiền về phòng bán hàng.

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 27/4/2023, Lường Thị Đ thực hiện nhiệm vụ thu cước trước điện thoại, phí dịch vụ mạng internet và truyền hình từ 06 tháng đến 01 năm của 118 hộ dân sử dụng dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin thuộc địa bàn xã C, xã C, xã H và thị trấn H, huyện M. Khi thu được cước phí bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào hai tài khoản cá nhân của Đ (tài khoản ngân hàng S10 mở tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp huyện M và tài khoản ngân hàng số 41110000493270 mở tại chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển huyện M), có trường hợp Đ sử dụng phiếu thu do Trung tâm kinh doanh phát hành, có trường hợp Đ sử dụng phiếu thu đại trà mua tại cửa hàng văn phòng phẩm giao cho khách hàng. Sau đó, Đ nhập danh sách những khách hàng này lên hệ thống ONE BSS của Trung tâm kinh doanh nhưng chỉ nhập khách hàng nộp trước cước một tháng và chỉ nộp số tiền tương ứng với mức thu cước một tháng vào tài khoản chuyên thu của Trung tâm kinh doanh, một số khách hàng Đ không nhập danh sách lên hệ thống và không nộp số tiền đã thu của các khách hàng đó. Số tiền đã thu cước của khách hàng nhưng không nộp lại cho Trung tâm K mà Đ đã sử dụng vào mục đích cá nhân và cho Tòng Thị P2, sinh năm 1986, trú tại tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La vay 40.000.000VNĐ. Đối với phiếu thu do Trung tâm kinh doanh phát hành phải giao nộp về Phòng bán hàng, Đ viết mỗi liên một tên khách hàng khác nhau, còn phiếu thu Đ tự mua thì giữ lại.

Cuối tháng 04 năm 2023, thông qua phản ánh từ cộng tác viên Phòng bán hàng VNPT - Vinaphone khu vực M - Y, Vũ Sỹ B phát hiện hành vi chiếm đoạt tiền thu cước khách hàng của Lường Thị Đ nên đã báo cáo Trung tâm K chấm dứt hợp đồng lao động đối với Lường Thị Đ kể từ ngày 01/5/2023, đồng thời yêu cầu Đ nhập danh sách khách hàng đã thu cước trước 06 tháng và 01 năm lên hệ thống ONE BSS và đối chiếu công nợ, kết quả số tiền Đ đã thu cước của khách hàng nhưng chưa giao nộp cho Trung tâm kinh doanh là 135.488.228VNĐ. Ngày 22/6/2023, Vũ Sỹ B làm đơn tố giác Lường Thị Đ đã có hành vi lợi dụng nhiệm vụ được giao thu tiền cước khách hàng tổng số tiền 135.488.228VNĐ nhưng không nộp lại cho phòng bán hàng VNPT - Vinaphone M và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone XS màu vàng kèm 01 sim điện thoại di động thu giữ của Lường Thị Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã tuyên xử:

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lường Thị Đ phạm tội Tham ô tài sản; Xử phạt bị cáo Lường Thị Đ 07 (bảy năm) tù. Thời gian tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2024, bị cáo Lường Thị Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm làm rõ vai trò chỉ đạo, bảo lãnh của ông Vũ Sỹ B trong vụ án; Xem xét các tình tiết khách quan, hoàn cảnh gia đình cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt để tôi sớm được trở về nuôi dạy con nhỏ, chăm sóc mẹ già, tiếp tục trở thành người có ích cho xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự ông Vũ Sỹ B trình bày:

Ông không chỉ đạo, bảo lãnh cho Lường Thị Đ về việc thu cước từ 06 tháng đến 01 năm của khách hàng nhưng không nhập lên hệ thống, không nộp lại cho V. Ông B đã thường xuyên nhắc nhở nhân viên thu cước đúng quy định Trung tâm. Nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện không đúng quy định, bị cáo sử dụng một phần số tiền khách hàng nộp theo tháng, tính đến ngày 10/5/2023 bị cáo chiếm đoạt số tiền còn lại sử dụng vào mục đích cá nhân số tiền 135.488.228 đồng của 118 khách hàng, trong đó có nhiều khách hàng trên 2.000.000 đồng. Sau khi phát hiện hành vi của Đ, ông đã nhanh chóng yêu cầu Đ nộp đủ số tiền đã thu cho Trung tâm. Ngày 11/5/2025 bị cáo có cam đoan thanh toán 20.000.000 đồng, nhưng không thực hiện. Ngày 22/6/2023, ông B mới có đơn tố cáo Đan với cơ quan điều tra, Công an M5. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xử lý theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo Lường Thị Đ phạm tội "Tham ô tài sản" theo điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Đối với yêu cầu làm rõ vai trò chỉ đạo, bảo lãnh của ông Vũ Sỹ B trong vụ án, tại giai đoạn điều tra truy tố và xét xử sơ thẩm đã làm rõ trách nhiệm của ông B trong vụ án nêu trên nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với ông B theo yêu cầu của bị cáo. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm tình tiết mới căn cứ chứng minh ông B cùng tham gia thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo.

Đối với nội dung kháng cáo đề nghị áp dụng thêm điểm t, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt; vụ án không có đồng phạm chỉ một mình bị cáo thực hiện và tại quá trình điều tra bị cáo không có cơ sở bị cáo đã hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án. Việc bị cáo khai nhận ông B chỉ đạo, tạo điều kiện cho bị cáo phạm tội là không có cơ sở. Hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, nên cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 cho bị cáo là có căn cứ. nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn (Xã S, huyện B), cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Cần áp dụng bổ sung tại cấp phúc thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo. Giữ nguyên mức hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân Mai Sơn về hình phạt đối với bị cáo Lường Thị Đ. Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51: Xử phạt bị cáo Lường Thị Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do đơn kháng cáo không được chấp nhận. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo ông Điêu Chính T1 trình bày quan điểm:

Việc làm rõ vai trò chỉ đạo, bảo lãnh của ông Vũ Sỹ B – Giám đốc, khi bị cáo Đ cùng nhân viên khác thực hiện công việc theo sự phân công, chỉ đạo của ông, bao gồm thu cước viễn thông. Đan không được tiếp cận quy trình thu cước mà chỉ làm theo hướng dẫn trực tiếp, trong đó có việc tự mua phiếu thu. Tin nhắn Zalo ngày 12/04/2023 cùng tin nhắn nội bộ ngày 27/12/2023 xác nhận việc thu tiền gói cước dài hạn nhưng trả dần theo tháng có sự chỉ đạo từ trước, và ông B cũng đã thừa nhận nội dung trao đổi. Như vậy, Đ không thể thực hiện hành vi này nếu không có sự hướng dẫn và bảo đảm từ ông B, do đó, cần làm rõ trách nhiệm của ông và những người liên quan để đảm bảo đánh giá khách quan vụ án.

Bị cáo Lường Thị Đ là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, mất cha từ nhỏ, không có công việc ổn định, hiện nuôi con dưới 09 tháng tuổi và sức khỏe yếu do từng trải qua nhiều ca phẫu thuật nghiêm trọng. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải ngay từ giai đoạn điều tra, truy tố và chủ động bồi thường toàn bộ số tiền 135.488.000 đồng, được Trung tâm K xác nhận không yêu cầu bồi thường thêm. Hành vi của bị cáo không gây gián đoạn dịch vụ hay ảnh hưởng đến quyền lợi khách hàng. Do đó, đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt, là 05 (năm) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung (hình phạt tiền) đối với bị cáo và miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lường Thị Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đối đáp với quan điểm bào chữa của người bào chữa:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mà còn đổ lỗi và trách nhiệm cho ông Vũ Sỹ B - Giám đốc là người bao che, tạo điều kiện cho bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng; bị cáo không xuất trình thêm tình tiết mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đã phân tích trên, giữ nguyên quan điểm đã Đề nghị căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, xét thấy bị cáo có 02 tình tiết quy định khoản 1 Điều 51 BLHS và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 BLHS, nhưng hành vi của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, cấp sơ thẩm đã cân nhắc xem xét xử phạt bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt 7 (bảy) năm tù là phù hợp và có căn cứ, đúng với tính chất, mức dộ do hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra. Do đó đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/12/2024 bị cáo Lường Thị Đ có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của bị cáo Đ trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể và phạm vi kháng cáo nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với nội dung kháng cáo của bị cáo Lường Thị Đ theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng chị Hoàng Thu H1. Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai của chị tại giai đoạn điều tra. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại cấp sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, vì vậy có đủ cơ sở xác định:

Lường Thị Đ là nhân viên hỗ trợ bán hàng việc tại Phòng bán hàng VNPT - Vinaphone khu vực M - Y (theo hợp đồng ký kết hàng năm). Lợi dụng việc bị cáo được Trung tâm V giao nhiệm vụ thực hiện các giao dịch kinh doanh online, kinh doanh địa bàn, kinh doanh khách hàng doanh nghiệp và bán hàng trực tiếp tại địa bàn các xã C, C, xã H và tiểu khu A, tiểu khu B của thị trấn H thuộc huyện M, Lường Thị Đ đã thu cước viễn thông trả trước từ 06 tháng đến 01 năm của khách hàng nhưng không cập nhật hoặc cập nhật không đầy đủ danh sách khách hàng nộp trước cước lên hệ thống ONE BSS của Trung tâm kinh doanh và nộp số tiền đã thu vào tài khoản chuyên thu của Trung tâm K mở tại ngân hàng A theo đúng thời gian quy định. Theo Bộ Q4 quản lý nợ phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ VT-CNTT trả sau ban hành theo Quyết định số 1236A/QD-VNPT-KTTC-KTNV ngày 06/12/2019 của Tổng công ty D4 yêu cầu: "Các khoản thu tiền của khách hàng phải có hóa đơn hoặc biên lai thu tiền, Biên nhận thanh toán do đơn vị phát hành. Toàn bộ tiền thu được phải được cập nhật lên hệ thống ĐHSXKD và nộp tiền đầy đủ theo đúng quy định (các khoản tiền thu trước 16h00 nộp toàn bộ vào ngân hàng trong ngày; các khoản thu sau 16h00 nộp về quỹ tiền mặt của BHKV, phòng KHKT hoặc nộp vào ngân hàng chậm nhất 09h sáng ngày làm việc tiếp theo". Bị cáo Đ đã không nộp tiền cước đã thu của khách hàng theo quy định mà nộp cước cho khách hàng theo tháng để tránh việc khách hàng bị cắt dịch vụ, sử dụng một phần số tiền cước của khách hàng vào mục đích cá nhân. Tính đến ngày 10/5/2023, bị cáo Lường Thị Đ đã chiếm đoạt số tiền thu cước của 118 khách hàng tổng số tiền 135.488.228 (một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn hai trăm hai mươi tám) đồng, trong đó có nhiều khách hàng Đan chiếm đoạt tiền cước mỗi người trên 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Hành vi của bị cáo Lường Thị Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c, d Khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã xét xử bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Lường Thị Đ:

[4.1] Đối với yêu cầu làm rõ vai trò chỉ đạo, bảo lãnh của ông Vũ Sỹ B trong vụ án.

Thể hiện: Tại giai đoạn điều tra truy tố và xét xử sơ thẩm đã làm rõ trách nhiệm của ông Vũ Sỹ B trong vụ án nêu trên. Mặt khác tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ xác nhận bị cáo không bị bức cung, nhục hình,

lời khai hoàn toàn tự nguyện, thừa nhận không bàn bạc, trao đổi với ông B. Sau khi thực hiện xong, ông B mới phát hiện và cũng không được hưởng lợi ích gì từ hành vi phạm tội của bị cáo. Bản thân ông B với tư cách là người quản lý tại các cuộc họp nội bộ đã quán triệt tất cả nhân viên trong đó có bị cáo nghe và hiểu về quy trình thu tiền cước, nộp tiền vào tài khoản Trung tâm. Các tài liệu tin nhắn trên ứng dụng Zalo giữa ông B và bị cáo cung cấp trong hồ sơ vụ án là tin nhắn sau khi hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện. Do đó, việc bảo lãnh của ông Vũ Sỹ B là bảo lãnh trách nhiệm dân sự đối với nhân viên do mình quản lý trong trường hợp họ làm thất thoát tiền thu cước của V trước đơn vị, không phải bảo lãnh cho hành vi làm trái quy định của pháp luật. Quá trình điều tra xác định, hành vi của Đ là độc lập, không có đồng phạm. Do đó, yêu cầu làm rõ vai trò chỉ đạo, bảo lãnh của ông Vũ Sỹ B trong vụ án là không có căn cứ để chấp nhận. Cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông B là có căn cứ, không bỏ lọt người phạm tội.

[4.2] Đối với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Bị cáo Lường Thị Đ đề nghị được áp dụng thêm điểm h, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo gây thiệt hại số tiền 135.488.228 đồng cho Trung tâm K. Sau khi ông B phát hiện yêu cầu bị cáo khắc phục và viết cam kết nhưng bị cáo không thực hiện, sau khi khởi tố vụ án bị cáo mới khắc phục số tiền trên. Bị cáo đã gây thiệt hại thuộc trường hợp quy định điểm c, d khoản 2 Điều 353 BLHS, chiếm đoạt tài sản từ 100.000.000đ đến dưới 500.000.000 đồng, khung hình phạt từ 7 năm đến 15 năm thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo có ý kiến kháng cáo hành vi bị cáo gây ra thiệt hại không lớn hoặc chưa gây thiệt hại là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 cho bị cáo là có căn cứ.

Trong quá trình điều tra truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là có căn cứ. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một mình, không có đồng phạm nên không có căn cứ áp dụng tình tiết *"Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án"* quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lường Thị Đ là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi bất chính nên vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quyền sở hữu tài sản của các cơ quan tổ chức.

Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và quyết định xử phạt bị cáo Lường Thị Đ với mức hình phạt 07 (bảy) năm tù là phù hợp. Bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn (xã S, huyện B, tỉnh Sơn La), cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết

quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên cần áp dụng bổ sung tại cấp phúc thẩm để đảm bảo quyền lợi cho bị cáo.

Từ phân tích trên, xét giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[5] Về án phí: Bị cáo Lường Thị Đ là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã S, huyện B, tỉnh Sơn La là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần vật chứng, trách nhiệm dân sự không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lường Thị Đ, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lường Thị Đ phạm tội "Tham ô tài sản".

Xử phạt bị cáo Lường Thị Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo Lường Thị Đ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 05/03/2025).

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mai Lan